

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2019/DS-PT

Ngày 19 - 7 - 2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết

Các thẩm phán: 1. Bà Lưu Thị Thu Hường.

2. Bà Lê Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2019/DS - PT ngày 17/6/2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 142/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị G; địa chỉ: TDP 13, thị trấn E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích Ng; đại chỉ: TDP 7, thị trấn E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Tăng H; Số 11 TT, phường TA, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk. Theo giấy ủy quyền ngày 14/01/2019 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lương Thanh V, thuộc Văn phòng luật sư TN, đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 195 HV, thị trấn C, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần U; địa chỉ: TDP 7, thị trấn E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần U: Ông Nguyễn Đức T; địa chỉ: Số 11 TT, phường TA, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk. Theo giấy ủy quyền ngày 14/01/2019 (có mặt)

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Đào Thị G trình bày:

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2017, bà Nguyễn Thị Bích Ng vay của bà G số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng để sử dụng giải quyết việc gia đình. Đến ngày 13 tháng 4 năm 2017 bà Ng tiếp tục vay của bà G số tiền 680.000.000 (Sáu trăm tám mươi triệu) đồng để trả nợ Ngân hàng và hạn đến ngày 26 tháng 4 năm 2018 sẽ trả toàn bộ số tiền cho bà G. Khi vay số tiền trên thì hai bên có làm giấy tờ vay tiền. Khi đến hạn trả nợ bà G đã đòi bà Ng rất nhiều lần, nhưng bà Ng không chịu trả. Vì vậy, bà G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ng phải trả tổng số tiền gốc 750.000.000 (Bảy trăm năm mươi triệu) đồng và bà G xin rút một phần yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 70.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất chậm trả đối với khoản tiền vay 680.000.000đ theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Ng trình bày:

Bà Ng thống nhất với lời khai của bà G về tổng số tiền 750.000.000đ mà bà Ng đã vay của bà G các vào ngày 23 tháng 3 và ngày 13 tháng 4 năm 2017. Tuy nhiên, số tiền trên bà Ng vay của bà G đã được ông Trần U đứng ra bảo lãnh chịu trách nhiệm trả cho bà G, số tiền trên đã được bà Ng và ông U thỏa thuận đưa vào số tiền đặt cọc mua đất giữa bà G và ông U là 2.5000.000.000đ vào ngày 22 tháng 3 năm 2017, nên bà Ng không còn nợ bà G số tiền đã vay. Vì vậy, bà Ng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G.

Trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Tăng H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, ông Lương Thanh V trình bày:

Vào sáng ngày 23 tháng 3 năm 2017 bà Ng có lên lấy 70.000.000đ từ bà G, số tiền này bà Ng nhận thay cho ông U từ số tiền 300.000.000đ mà ông U nợ của

bà G trong ngày 23 tháng 3 năm 2017. Toàn bộ số tiền này ông U và bà G đã thống nhất đưa vào số tiền đặt cọc mua đất của bà G với ông U ngày 22 tháng 3 năm 2017. Đối với số tiền 680.000.000đ bà G cho bà Ng mượn ngày 13 tháng 4 năm 2017 để bà Ng đưa vào Ngân hàng để lấy bìa đỏ của bà Ng đang thế chấp ra. Số tiền 680.000.000đ này ông U và bà Ng có văn bản thỏa thuận vào ngày 12 tháng 4 năm 2017 để ông U trả cho bà G và ông U với bà G đã thống nhất đưa khoản tiền nói trên vào khoản tiền bà G đặt cọc mua đất của ông U là 2.500.000.000đ vào ngày 22 tháng 3 năm 2017. Vì vậy, 02 khoản nợ 70.000.000đ ngày 23 tháng 3 năm 2017 và khoản nợ 680.000.000đ ngày 13 tháng 4 năm 2017. Tổng cộng là 750.000.000đ bà Ng nợ của bà G đã được chuyển vào số tiền đặt cọc mua đất. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà G đối với bà Ng

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần U trình bày:

Vào ngày 13 tháng 4 năm 2017, ông U cùng với bà Ng viết giấy mượn tiền của bà G với số tiền là 680.000.000đ là đúng chữ viết của ông U. Số tiền này được chuyển vào Ngân hàng nông nghiệp huyện Ea H'leo để trả nợ cho bà Ng. Giấy mượn tiền trên do bà Ng ký, còn ông U không ký vào giấy vay tiền. Còn số tiền 70.000.000đ nợ vào ngày 23 tháng 3 năm 2017 là bà Ng chỉ nhận thay cho ông U từ bà G. Tổng số tiền 750.000.000đ mà bà G yêu cầu bà Ng phải trả đã được ông U và bà Ng thỏa thuận khấu trừ vào số tiền mà bà G đặt cọc mua đất với ông U là 2.500.000.000đ vào ngày 22 tháng 3 năm 2017. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà G đối với bà Ng.

Trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Trần U là ông Nguyễn Đức T trình bày:

Đối với số tiền 70.000.000đ bà Ng nhận của bà G ngày 23 tháng 3 năm 2017 là bà Ng nhận thay cho ông U, số tiền 70.000.000đ này nằm trong khoản tiền 300.000.000đ mà ông U nợ của bà G trong ngày 23 tháng 3 năm 2017. Toàn bộ số tiền này ông U và bà G đã thống nhất đưa vào số tiền đặt cọc của bà G mua đất của ông U vào ngày 22 tháng 3 năm 2017. Đối với tiền 680.000.000đ bà G cho bà Ng mượn là để trả tiền vào Ngân hàng để lấy bìa đỏ của bà Ng về. Khoản tiền này giữa ông U và bà Ng đã có thỏa thuận bằng văn bản vào ngày 12 tháng 4 năm 2017 để ông U có trách nhiệm trả cho bà G và ông U và bà G đã thống nhất đưa khoản tiền 680.000.000đ vào khoản tiền bà G đặt cọc là 2.500.000.000đ mua đất của ông U vào ngày 22 tháng 3 năm 2017. Như vậy, hai khoản nợ của gồm 70.000.000đ và 680.000.000đ, tổng cộng là 750.000.000đ của bà Ng đối với bà G đã được đưa vào khoản tiền đặt cọc mua đất. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà G đối với bà Ng

Tại bản án sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, khoản 1 Điều 465, khoản 1 và khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 469, Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị G. Buộc bà Nguyễn Thị Bích Ng phải trả cho bà Đào Thị G số tiền 883.762.800đ (Tám trăm tám mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để tính lãi suất chậm trả đối với số tiền nói trên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/4/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Ng kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn vì toàn bộ khoản tiền 750.000.000đ tôi viết giấy vay cho bà cho bà G đã được ông Trần U đứng ra bảo lãnh chịu trách nhiệm trả cho bà G, số tiền trên đã được bà Ng và ông U thỏa thuận đưa vào sổ tiền đặt cọc mua đất giữa bà G và ông U là 2.5000.000.000đ vào ngày 22 tháng 3 năm 2017, nên bà Ng không còn nợ bà G nữa.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng: Trong sổ theo dõi công nợ giữa ông U và bà G có khoản tiền 680.000.000đ và xuất trình một bản phô tô ghi 06 khoản nợ, không có chữ ký của ai, do bà G viết ra để chứng minh việc bà G đồng ý việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ khoản tiền 680.000.000đ từ bà Ng sang ông U. Đồng thời, luật sư cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm bà G đã thừa nhận việc chính bà G là người mua đất của ông U, còn ông Sơn (con bà G) chỉ đứng tên thay bà G. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ vào các chứng cứ trên để bác đơn khởi kiện của bà G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng : Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quá trình giải quyết, bà Ng và ông U đều cho rằng số tiền vay 70.000.000đ đề ngày 23/3/2017 là bà Ng nhận thay ông U nhưng trong giấy vay 70.000.000đ trên không thể hiện việc bà Ng nhận tiền thay cho ông U nên không có căn cứ để xác định khoản tiền trên do ông U vay của bà G. Đối với số tiền 680.000.000đ mặc dù, giữa bà Ng và ông U có thỏa thuận việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho ông U và được khấu trừ vào số tiền 2.500.000.000đ đặt cọc tiền đất của con trai bà G. Tuy nhiên, bà G không đồng ý và văn bản thỏa thuận trên không có chữ ký của bà G nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn. Ngoài ra, tại cấp sơ thẩm bà G có rút một phần đơn khởi kiện về việc không yêu cầu tính lãi suất đối với khoản tiền 70.000.000đ nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất của khoản tiền 70.000.000đ là không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, điều này không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích Ng hợp lệ về hình thức, được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 296 BLTTDS 2015.

[2] Xét kháng cáo của bà Ng cho rằng toàn bộ số tiền 750.000.000đ vay của bà G đã được ông Trần U đứng ra bảo lãnh chịu trách nhiệm trả cho bà G và số tiền trên đã được bà Ng, ông U thỏa thuận đưa vào số tiền đặt cọc mua đất giữa bà G và ông U là 2.5000.000.000đ vào ngày 22 tháng 3 năm 2017, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Cả bà Ng và ông U và bà G đều thừa nhận có việc bà Ng vay của bà G số tiền 750.000.000đ theo các giấy vay tiền đề ngày 23/3/2017 và ngày 13/4/2017. Cho nên, việc vay mượn giữa bà G và bà Ng số tiền 750.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án bà G cung cấp 02 giấy vay tiền, trong đó có: 01 giấy vay 70.000.000đ đề ngày 23/3/2017 (không có lãi suất và không có thời hạn trả nợ) và 01 giấy vay 680.000.000đ đề ngày 13/4/2017 không thể hiện lãi suất, thời hạn trả là “đến ngày 26/4/2017”, mục đích vay “trả ngân hàng” (bút lục 81, 82). Cả hai giấy vay tiền trên đều do một mình bà

Ng ký nhận nợ và đều không thể hiện nội dung bà Ng nhận tiền thay ông U số tiền 70.000.000đ. Vì vậy, việc bà Ng cho rằng bà nhận số tiền 70.000.000đ từ bà G thay cho ông U và số tiền này nằm trong khoản tiền 300.000.000đ mà ông U nợ bà G vào ngày 23/3/2017 là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.1] Bà Ng cho rằng toàn bộ số tiền 680.000.000đ vay của bà G đã được ông Trần U đứng ra bảo lãnh chịu trách nhiệm trả cho bà G và số tiền trên đã được bà Ng, ông U thỏa thuận đưa vào số tiền đặt cọc mua đất giữa bà G và ông U là 2.5000.000.000đ vào ngày 22/3/2017, thấy rằng: Mặc dù, tại văn bản thỏa thuận vào ngày 12/4/2017 giữa bà Ng với ông Trần U có nội dung: *“số tiền là 680.000.000 đồng nay chuyển sang chị G đặt cọc mua đất”* nhưng không được sự đồng ý của bà G tại văn bản này cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bà G không thừa nhận có việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ như bà Ng và ông U trình bày ở trên. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn cung cấp một giấy phô tô ghi 06 khoản nợ, không có chữ ký của ai, bị đơn trình bày là do bà G viết ra để chứng minh việc bà G đồng ý việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ khoản tiền 680.000.000đ từ bà Ng sang ông U nhưng phía bị đơn không cung cấp được bản gốc, không yêu cầu giám định chữ viết và tại hồ sơ vụ án không thể hiện việc bị đơn đã nộp văn bản trên cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm. Do đó, chứng cứ trên không có giá trị chứng minh. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 370 BLDS 2015 thì việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ bà Ng sang ông U là không hợp pháp vì không có sự đồng ý của bên có quyền là bà G. Đồng thời, do việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ bà Ng sang ông U là không được chấp nhận nên việc bà Ng và ông U cho rằng số tiền 680.000.000đ bà Ng còn nợ bà G đã được khấu trừ vào tiền đặt cọc mua đất của ông Nguyễn Ngọc S (con trai bà G) là không có cơ sở để xem xét.

[3] Xét yêu cầu tính lãi xuất của nguyên đơn đối với số tiền 680.000.000đ thấy rằng: Tại giấy vay 680.000.000đ đề ngày 13/4/2017 không thể hiện lãi suất, thời hạn trả là *“đến ngày 26/4/2017”*. Cho nên, đây là hợp đồng vay có thời hạn nhưng không có lãi suất được xác lập sau ngày 01/01/2017. Do đó, tiền lãi của khoản tiền trên chỉ có lãi suất trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nhưng cấp sơ thẩm có nhầm lẫn trong quá trình tính toán và bất lợi cho người kháng cáo nên HĐXX tính lại lãi suất của khoản tiền trên như sau: Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả là 680.000.000đ) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015 là 10%/01 năm) x (thời gian chậm trả nợ gốc từ ngày 27/4/2017 đến ngày 18/4/2019 là 711 ngày) = (680.000.000đ x 10%/năm x 711 ngày) : 365 ngày = 132.460.274đ (*Một trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn, hai trăm bảy mươi tư đồng*). Vậy, tổng số tiền bà Ng còn phải thanh toán cho bà G là:

$(750.000.000đ + 132.460.274đ) = 882.460.274đ$ (Tám trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn, hai trăm bảy mươi tư đồng)

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ban đầu đối với yêu cầu tính lãi suất của khoản tiền 70.000.000đ, việc rút một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Nhưng cấp sơ thẩm không căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS 2015 để đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần yêu cầu đã rút là có thiếu sót. Tuy nhiên, việc này có lợi cho bị đơn (đồng thời là người kháng cáo) và không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Vì vậy, cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết. Bên cạnh đó, án sơ thẩm tuyên bà Ng phải chịu lãi xuất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 nhưng lại không tuyên thời gian tính lãi từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thi hành án xong là thiếu sót, cấp sơ thẩm cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[5] Từ những phân tích và nhận định trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về lãi suất của khoản vay 680.000.000đ, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về trách nhiệm trả nợ - Sửa án sơ thẩm về phần lãi suất trên nợ gốc quá hạn chưa trả của khoản tiền 680.000.000 và thời gian tính lãi suất khi thi hành án.

[6] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện nên nguyên đơn bà Đào Thị G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EH, theo biên lai số 0008882, ngày 26/10/2018. Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật được tính như sau: $5\% (70.000.000đ + 680.000.000đ + 132.460.274đ) = 44.123.013đ$.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần đơn kháng cáo nên bà Nguyễn Thị Bích Ng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010944 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EH.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm

phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần liên quan đến kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Ng về phần lãi suất của khoản vay 680.000.000đ.

Không chấp nhận phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Ng về trách nhiệm trả nợ.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DSST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk về phần lãi suất trên nợ gốc quá hạn chưa trả của khoản tiền 680.000.000 và thời gian tính lãi suất khi thi hành án.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đào Thị G. Buộc bà Nguyễn Thị Bích Ng phải trả cho bà Đào Thị G số tiền **882.460.274đ** (*Tám trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn, hai trăm bảy mươi tư đồng*).

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Nguyên đơn bà Đào Thị G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EH, theo biên lai số 0008882, ngày 26/10/2018.

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Ng phải chịu 44.123.013đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010944 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EH.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo
- Chi cục THA huyện EH;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đình Triết

